

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST

Ngày 20-5-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Vẹn

Bà Nguyễn Thị Mười

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Cẩm Nang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Trần Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/QĐST- HNGĐ ngày 08/5/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Tuyết T, sinh năm 1993; cư trú tại ấp II, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Liu Jung Z, sinh năm 1982; cư trú tại số 3, hẻm 39 Lộ Trường Xuân, khóm 024, phường Đ, khu Đ1, thành phố Đ2, Đài Loan (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2018 nguyên đơn chị Trương Thị Tuyết T trình bày:*

Năm 2017, chị và anh Liu Jung Z tự nguyện kết hôn với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C. Sau khi kết hôn, chị và anh Liu Jung Z sống chung được một tuần thì anh Liu Jung Z trở về Đài Loan và từ đó vợ chồng sống ly thân, hai bên không gặp nhau. Xét thấy, vợ chồng không khả năng đoàn tụ nên xin được ly hôn với anh Liu Jung Z. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Liu Jung Z:* Vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án nên không có lời khai.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị Tuyết T, cho chị Trương Thị Tuyết T được ly hôn với anh Liu Jung Z. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

** Các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án:*

- Nguyên đơn chị Trương Thị Tuyết T cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản sao), 01 sổ hộ khẩu (bản sao), 01 chứng minh nhân dân (bản sao), 01 trích lục cải chính hộ tịch (bản sao), 01 tờ cam kết, 01 đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Liu Jung Z không có gửi tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

** Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:* Không có.

** Các tính tiết các bên đương sự thống nhất:* Không có.

** Các tính tiết các bên đương sự không thống nhất:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trương Thị Tuyết T có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt trong các phiên hòa giải, phiên tòa. Bị đơn anh Liu Jung Z đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Điều 238, điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt chị Trương Thị Tuyết T và anh Liu Jung Z.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị Tuyết T và anh Liu Jung Z là hôn nhân hợp pháp, vì đã thực hiện đầy đủ các điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Trong thời kỳ hôn nhân, chị Trương Thị Tuyết T và anh Liu Jung Z bất đồng ngôn ngữ, không còn liên lạc và đã sống ly thân trong thời gian dài, nên mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Tuyết T đối với anh Liu Jung Z như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị T khai không có và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí, lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Trương Thị Tuyết T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 238, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trương Thị Tuyết T được ly hôn với anh Liu Jung Z.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có và không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trương Thị Tuyết T phải chịu 300.000 đồng. Số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 0017049 ngày 18/6/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh được khấu trừ vào số tiền chị T phải chịu. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Chị Trương Thị Tuyết T phải chịu 200.000 đồng. Số tiền 200.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 0018160 ngày 12/7/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh được khấu trừ vào số tiền chị T phải chịu. Chị T đã nộp đủ lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

Án xét xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Lực